

# TÁI CẤU TRÚC HÀNH CHÍNH VÀ QUẢN LÝ DI CƯ “THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TẦM NHÌN 2050”

Nguyễn Văn Nhiều Em, Nguyễn Hiếu Trung, Võ Phú Hữu<sup>1</sup>

Đình Phương Linh<sup>2</sup>

Huỳnh Thị Ánh Phương<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Đại học Cần Thơ

<sup>2</sup>Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

<sup>3</sup>Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: nvnem@ctu.edu.vn

**Tóm tắt:** “Bài viết phân tích quan hệ giữa tái cấu trúc hành chính, quản lý di cư và phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong tầm nhìn đến năm 2050. Trên cơ sở báo cáo đánh giá tác động di cư vùng, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu, so sánh định lượng và tổng hợp chính sách để nhận diện biến đổi dân số, lao động, đầu tư công, nghèo đa chiều, đất nông nghiệp và thích ứng khí hậu. Kết quả cho thấy sau sắp xếp, vùng Đồng bằng sông Cửu Long còn 5 tỉnh, thành phố với hơn 17,7 triệu dân, song vẫn chịu áp lực xuất cư ròng kéo dài. Năm 2024, tỷ suất di cư thuần toàn vùng là âm 5,0 phần nghìn. Di cư vừa giúp giảm áp lực sinh kế, vừa làm xói mòn vốn nhân lực trẻ. Bài viết đề xuất mô hình quản trị vùng tích hợp, dữ liệu hóa và bao trùm.

**Từ khóa:** Tái cấu trúc hành chính, quản lý di cư, Đồng bằng sông Cửu Long, phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, vốn nhân lực.

## ADMINISTRATIVE RESTRUCTURING AND MIGRATION GOVERNANCE “CHALLENGES AND OPPORTUNITIES FOR SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN THE MEKONG DELTA TOWARD 2050”

**Abstract:** This article examines the relationship between administrative restructuring, migration governance and sustainable development in the Mekong Delta toward 2050. Based on the regional migration impact assessment report, the study applies desk research, quantitative comparison and policy synthesis to identify demographic, labor, public investment, multidimensional poverty, agricultural land and climate adaptation dynamics. The evidence shows that after administrative rearrangement the Mekong Delta consists of 5 provinces and cities with more than 17.7 million residents, while persistent net out migration remains a structural pressure. In 2024, the regional net migration rate reached minus 5.0 per thousand. Migration reduces livelihood pressure and supports household income, yet it erodes young human capital. The article proposes an integrated, data driven and inclusive regional governance model.

**Keywords:** Administrative restructuring, migration governance, Mekong Delta, sustainable development, climate change, human capital.

Nhận bài: 12/03/2026

Phản biện: 12/04/2026

Duyệt đăng: 16/04/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đồng bằng sông Cửu Long có vị trí đặc biệt quan trọng trong phát triển quốc gia, là vùng trọng điểm về lúa gạo, trái cây, thủy sản, kinh tế biển và dịch vụ sinh thái, đồng thời là nơi sinh sống của hơn 17,7 triệu người. Tuy nhiên, khu vực này cũng đang chịu tác động nặng nề của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, sụt lún, thiếu nước ngọt, biến động dòng chảy sông Mê Công, suy giảm lợi nhuận nông nghiệp và thay đổi thị trường lao động. Trong bối cảnh đó, di cư không chỉ là hiện tượng dân số mà còn phản ánh chất lượng phát triển, khả năng tạo việc làm, mức độ an sinh, năng lực thích ứng khí hậu và sức hút lãnh thổ.

Trong hơn một thập kỷ qua, vùng liên tục xuất cư ròng với hơn 1,7 triệu người rời đi, chủ yếu

là lao động trẻ đến Thành phố Hồ Chí Minh và Đông Nam Bộ. Di cư góp phần tạo thu nhập, giảm nghèo và mở rộng cơ hội sống, nhưng nếu kéo dài một chiều sẽ làm suy giảm lực lượng lao động, đẩy nhanh già hóa dân số, làm yếu vốn nhân lực và hạn chế khả năng chuyển đổi kinh tế. Vì vậy, vấn đề không phải ngăn cản di cư mà là quản lý di cư như một nguồn lực phát triển, bảo đảm người dân có quyền lựa chọn ở lại, đi làm gần, đi làm xa hoặc quay về trong điều kiện an toàn, có kỹ năng, có bảo vệ xã hội và sinh kế bền vững.

Việc tái cấu trúc hành chính vùng theo Nghị quyết số 306 năm 2025, tổ chức lại thành 5 tỉnh, thành phố gồm Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang và Cà Mau, mở ra cơ hội thiết kế lại

không gian quản trị vùng. Đây không chỉ là điều chỉnh địa giới mà còn tạo điều kiện sắp xếp lại bộ máy điều phối, phân bổ nguồn lực, phát triển thị trường lao động, hạ tầng, chuyển đổi sinh kế và quản trị di cư theo quy mô vùng chức năng.

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tại bàn, khai thác số liệu thứ cấp từ nhiều nguồn chính thống như Tổng cục Thống kê, UNFPA, Ngân hàng Thế giới, VCCI, Trường Fulbright cùng các văn bản chính sách, kết hợp phân tích, so sánh và tổng hợp để làm rõ mối quan hệ giữa tái cấu trúc hành chính, di cư, đầu tư công, nghèo đa chiều, việc làm, đất nông nghiệp, biến đổi khí hậu và triển vọng phát triển bền vững đến năm 2050.

## II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Tái cấu trúc hành chính, nền tảng chính sách và thực trạng định lượng di cư vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Khung chính sách phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong hơn một thập kỷ qua đã từng bước được hoàn thiện, tạo nền tảng quan trọng cho tái cơ cấu và phát triển bền vững. Quyết định số 593 năm 2016 mở đầu cho cơ chế thí điểm liên kết phát triển kinh tế – xã hội vùng, tập trung vào sản phẩm chủ lực, hạ tầng thủy lợi, giao thông và hệ thống thông tin vùng. Nghị quyết số 120 năm 2017 xác lập tư duy phát triển thuận thiên, thích ứng biến đổi khí hậu, chuyển từ mục tiêu sản lượng sang giá trị, từ can thiệp cứng sang sử dụng tài nguyên hợp lý. Tiếp đó, Quyết định số 287 năm 2022 phê duyệt quy hoạch vùng giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn 2050, định hướng Đồng bằng sông Cửu Long trở thành trung tâm kinh tế nông nghiệp bền vững, năng động và hiệu quả cao của quốc gia, khu vực và thế giới. Nghị quyết số 13 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 78 của Chính phủ cùng năm tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện thể chế, tăng cường liên kết vùng, phát triển nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng – an ninh và củng cố hệ thống chính trị.

Nghị quyết số 306 năm 2025 mở ra giai đoạn mới cho quản trị vùng sau sáp nhập hành chính. Mục tiêu đặt ra là tăng trưởng GRDP bình quân 9,0–9,5%/năm trong giai đoạn 2026–2030, phát triển vùng thành trung tâm kinh tế nông nghiệp hiện đại, bền vững và hiệu quả cao. Các ưu tiên lớn gồm phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô

lớn, công nghiệp chế biến, thương hiệu sản phẩm, nông nghiệp số, nông nghiệp thông minh, giảm tỷ trọng lúa gạo, tăng trái cây và thủy sản, sử dụng đất linh hoạt hơn. Đồng thời, vùng được định hướng triển khai đề án 1 triệu ha lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh; phát triển công nghiệp xanh, năng lượng tái tạo, công nghiệp hỗ trợ, kinh tế biển, du lịch sinh thái, hạ tầng logistics, cảng biển Trần Đề, cảng tổng hợp lưỡng dụng Hòn Khoai và các hành lang kinh tế Bắc – Nam, Đông – Tây, phía Tây và ven biển phía Đông.

Từ góc độ quản trị di cư, tái cấu trúc hành chính có ý nghĩa lớn ở chỗ tạo ra quy mô điều phối mới. Trước sáp nhập, chính sách về lao động, đào tạo nghề, hạ tầng, phát triển đô thị, bảo trợ xã hội và thích ứng khí hậu thường bị chia cắt bởi địa giới nhỏ, trong khi di cư lại vận hành theo không gian sinh kế rộng hơn. Sau sáp nhập, năm đơn vị hành chính mới với dân số lớn, diện tích rộng và khả năng phối hợp nội tỉnh cao hơn tạo điều kiện hình thành thị trường lao động nội vùng, cụm đô thị – công nghiệp, chuỗi logistics, trung tâm đào tạo nghề và mạng lưới dịch vụ xã hội quy mô lớn. Tuy nhiên, cơ hội này chỉ trở thành kết quả thực chất nếu đi kèm với thiết kế lại phân quyền, ngân sách, dữ liệu, dịch vụ công và trách nhiệm giải trình.

Dữ liệu di cư cho thấy Đồng bằng sông Cửu Long vẫn là vùng xuất cư ròng kéo dài. Tỷ suất xuất cư toàn vùng tăng từ 11,8‰ năm 2020 lên 13,8‰ năm 2021, giảm xuống 5,2‰ năm 2022 rồi tăng lại 7,1‰ năm 2024, phản ánh áp lực di cư chưa được giải quyết căn bản. Tỷ suất nhập cư rất thấp, chỉ tăng từ 1,2‰ năm 2020 lên 2,0‰ năm 2024, trong đó chỉ một số cực như Cần Thơ và Long An có khả năng hút dân rõ rệt. Tỷ suất di cư thuần toàn vùng luôn âm, từ âm 10,5‰ năm 2020 đến âm 5,0‰ năm 2024; trong ba năm gần đây chỉ Cần Thơ và Long An cũ đạt mức dương. Điều này cho thấy sức hút kinh tế, hạ tầng và dịch vụ của phần lớn lãnh thổ vùng vẫn chưa đủ mạnh.

Cơ cấu luồng di cư cho thấy tính chất nông thôn của vùng còn rất rõ. Luồng nông thôn – nông thôn vẫn là lớn nhất, dù giảm dần, trong khi nông thôn – thành thị và thành thị – thành thị tăng chậm. Đông Nam Bộ tiếp tục là cực hút lao động mạnh nhất, nhận khoảng 97% số người xuất cư liên vùng từ Đồng bằng sông Cửu Long. Đáng chú ý, nhóm tuổi 20–34 vẫn là lực lượng di cư chủ lực,

đặc biệt vì mục đích việc làm. Sự ra đi kéo dài của lực lượng này làm suy giảm khả năng học nghề, thích ứng công nghệ, đổi mới sản xuất và chuyển đổi cơ cấu kinh tế của vùng. Bên cạnh đó, di cư người cao tuổi cũng tăng, phản ánh áp lực mới đối với hệ thống y tế cơ sở, bảo trợ xã hội và dịch vụ chăm sóc cộng đồng.

Đầu tư công là biến số quan trọng tác động đến năng lực giữ dân của vùng. Sau Nghị quyết số 120, đầu tư phát triển từ ngân sách Chính phủ tăng mạnh, từ 21 nghìn tỷ đồng năm 2015 lên 80 nghìn tỷ đồng năm 2023; giai đoạn 2021–2025, ngân sách Trung ương phân bổ cho vùng đạt 266 nghìn tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016–2021 vượt 1.800 triệu tỷ đồng, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp, điện, xây dựng, logistics và thương mại là các lĩnh vực thu hút nhiều vốn nhất. Tuy nhiên, tỷ trọng đầu tư công trên GRDP còn thấp, phân bổ chưa tương xứng với yêu cầu nâng cao năng suất lao động và chuyển đổi cơ cấu tăng trưởng. Đây là một nguyên nhân quan trọng khiến vùng khó tạo đột phá về năng suất, việc làm và thu nhập, qua đó hạn chế khả năng giữ chân dân cư và lao động trẻ.

## **2.2. Tác động của di cư, cơ hội phát triển và mô hình quản lý bền vững trong tầm nhìn 2050**

Di cư ở Đồng bằng sông Cửu Long mang tính hai mặt. Ở cấp hộ gia đình, di cư giúp phân tán rủi ro, tăng thu nhập, tích lũy kỹ năng, mở rộng quan hệ xã hội và tạo nguồn tiền gửi về để trang trải tiêu dùng, học tập, nhà ở, chăm sóc người già hoặc đầu tư sản xuất nhỏ. Ở cấp vùng, di cư góp phần giảm áp lực lên đất nông nghiệp, thúc đẩy chuyển dịch lao động khỏi khu vực năng suất thấp và tạo điều kiện tái cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên, khi di cư diễn ra một chiều, kéo dài và thiếu cơ chế kết nối ngược, vùng sẽ mất lao động, giảm sức sáng tạo ở nông thôn, suy yếu cộng đồng địa phương và bào mòn nền tảng xã hội của phát triển bền vững.

Thách thức lớn đầu tiên là việc làm và năng suất lao động. Giai đoạn 2017–2021, Đồng bằng sông Cửu Long là vùng giảm lao động mạnh nhất cả nước, đồng thời là vùng duy nhất giảm liên tục qua các năm. Tỷ lệ thiếu việc làm, nhất là ở nông thôn, ở mức cao do cơ giới hóa nông nghiệp, thu hẹp đất canh tác, chuyển đổi cơ cấu kinh tế chậm và khu vực công nghiệp, dịch vụ chưa đủ sức hấp thụ lao động. Khi việc làm ổn định tại chỗ thiếu hụt, di cư trở thành lựa chọn hợp lý, thậm chí bắt buộc. Gắn với đó là thách thức về đất đai và sinh kế nông nghiệp: tỷ lệ hộ nông thôn không có đất

nông nghiệp tăng mạnh, trong khi vùng vẫn dựa nhiều vào nông nghiệp và thủy sản. Khi đất đai không còn là nền tảng sinh kế an toàn, lao động trẻ càng dễ rời quê.

Thách thức tiếp theo là nghèo và thiếu hụt đa chiều. Dù tỷ lệ nghèo đa chiều giảm mạnh, vùng vẫn thuộc nhóm nghèo cao của cả nước và khả năng chống chịu của hộ nông thôn còn yếu, nhất là trước cú sốc kinh tế, dịch bệnh, biến đổi khí hậu và suy giảm lợi nhuận nông nghiệp. Cùng với đó là già hóa dân số và suy giảm liên kết gia đình. Người trẻ tiếp tục rời đi khiến người già, trẻ em và phụ nữ ở lại chịu áp lực chăm sóc lớn hơn, phụ thuộc vào tiền gửi về. Nếu dòng tiền này suy giảm, các hộ nông thôn sẽ dễ rơi vào tình trạng dễ tổn thương kép. Biến đổi khí hậu càng làm trầm trọng thêm tình hình khi tác động trực tiếp đến nông nghiệp, nước sinh hoạt, hạ tầng và an toàn cư trú, khiến di cư không thể tách rời chiến lược thích ứng khí hậu. Ngoài ra, tiềm năng phát triển từ di cư chưa được chuyển hóa đầy đủ do thực tế mất kết nối: nhiều người di cư, nhất là nhóm học vấn cao, không có ý định quay về hoặc ít gửi tiền về quê, làm vùng mất đi một phần vốn nhân lực tương lai.

Tuy vậy, tái cấu trúc hành chính mở ra nhiều cơ hội mới. Trước hết là xây dựng mô hình quản lý di cư dựa trên vùng chức năng thay vì địa giới cũ, với hệ thống dữ liệu dân cư và lao động liên thông để theo dõi luồng người, luồng tiền, kỹ năng và nhu cầu quay về. Tiếp đó là tổ chức lại đầu tư công theo hướng giữ người bằng việc làm chất lượng, gắn hạ tầng với các ngành tạo giá trị gia tăng và khả năng hấp thụ lao động như công nghiệp chế biến, logistics, nông nghiệp thông minh, dịch vụ sinh thái, du lịch cộng đồng, kinh tế biển và năng lượng tái tạo. Một cơ hội khác là phát triển di cư con lác và di cư tuần hoàn, cho phép người lao động đi làm theo ngày, tuần hoặc mùa nhưng vẫn duy trì gia đình và liên kết xã hội ở quê nhà. Đồng thời, vùng cần có chính sách thu hút người di cư quay về thông qua cơ hội việc làm, khởi nghiệp, nhà ở, tín dụng và môi trường sống đáng tin cậy. Bên cạnh đó, việc bảo vệ quyền của người di cư tại nơi đến cũng rất quan trọng, không chỉ ở góc độ cư trú mà còn ở quyền tiếp cận việc làm, giáo dục, y tế và an sinh.

Từ đó, có thể hình thành mô hình quản trị di cư tích hợp đến năm 2050 với năm trụ cột: thể chế điều phối vùng; tái phân bổ đầu tư công vào ngành tạo việc làm; bảo vệ xã hội cho người đi và người ở lại; thích ứng khí hậu; và xây dựng hệ thống dữ liệu di cư liên thông. Điểm mới của cách

tiếp cận này là xem tái cấu trúc hành chính như điều kiện để quản lý các dòng dịch chuyển dân cư, chứ không chỉ là sắp xếp bộ máy. Muốn giữ dân, vùng không thể dựa vào mệnh lệnh hay kêu gọi cảm tính, mà phải tạo ra cơ hội thật, dịch vụ thật, thu nhập thật và niềm tin thật vào tương lai.

### III. KẾT LUẬN

Tái cấu trúc hành chính và quản lý di cư là hai quá trình có quan hệ chặt chẽ trong phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long. Sắp xếp vùng thành 5 tỉnh, thành phố tạo cơ hội thiết kế lại không gian điều phối, nhưng không tự động tạo ra phát triển nếu không đi kèm đổi mới thể chế, đầu tư và dịch vụ công. Di cư thuần âm kéo dài cho thấy vùng chưa tạo đủ việc làm, thu nhập, dịch vụ và kỳ vọng tương lai cho người dân, đặc biệt là lao động trẻ. Đây không chỉ là hiện tượng nhân khẩu học mà là cảnh báo về năng lực cạnh tranh lãnh thổ, chất lượng tăng trưởng và khả năng thích ứng của vùng trước biến đổi khí hậu.

Bài viết khẳng định di cư không nên được nhìn như thất bại tuyệt đối của phát triển vùng. Trong điều kiện được quản lý tốt, di cư có thể trở thành chiến lược giảm nghèo, tích lũy vốn, nâng cao kỹ năng và kết nối vùng với thị trường lao động lớn. Tuy nhiên, lợi ích đó chỉ xuất hiện khi người di cư được bảo vệ quyền, có kỹ năng, có thông tin, có hợp đồng, có bảo hiểm, có khả năng gửi tiền và duy trì liên kết với quê hương. Nếu di cư chuyển thành rời bỏ lâu dài của người trẻ, người có học vấn và người có năng lực đổi mới, vùng sẽ mất động lực chuyển đổi. Vì vậy, quản lý di cư phải hướng đến cả nơi đi, nơi đến và khả năng quay về.

Kiến nghị thứ nhất là xây dựng hệ thống quản trị di cư vùng dựa trên dữ liệu. Năm tỉnh, thành phố mới cần thống nhất bộ chỉ tiêu về xuất cư, nhập cư, di cư thuần, kỹ năng lao động, tiền gửi về, nhu cầu quay về, tình trạng bảo hiểm, thiếu hụt dịch vụ, rủi ro khí hậu và tình trạng hộ gia đình có người di cư. Bộ chỉ tiêu này phải được tích hợp với quy hoạch vùng, kế hoạch đầu tư công, đào tạo nghề, nhà ở xã hội, y tế, giáo dục và chuyển đổi sinh kế. Dữ liệu phải được dùng để ra quyết định, không chỉ để tổng hợp báo cáo.

Kiến nghị thứ hai là tái cơ cấu đầu tư công theo hướng tạo việc làm và nâng năng suất. Hạ tầng giao thông vẫn cần ưu tiên, nhưng phải gắn với cụm công nghiệp chế biến nông thủy sản,

logistics, trung tâm đổi mới nông nghiệp, kinh tế biển, năng lượng tái tạo và dịch vụ du lịch sinh thái. Mỗi dự án đầu tư lớn nên được đánh giá bằng số việc làm trực tiếp, việc làm gián tiếp, khả năng giữ lao động trẻ, mức tăng thu nhập, tác động đến phụ nữ, hộ nghèo, hộ không đất và khả năng giảm rủi ro khí hậu. Đầu tư công cần chuyển từ tư duy công trình sang tư duy tạo hệ sinh thái sinh kế.

Kiến nghị thứ ba là phát triển chính sách di cư bao trùm tại cả nơi đi và nơi đến. Tại nơi đi, cần hỗ trợ hộ gia đình có người di cư, chăm sóc người già, trẻ em, phụ nữ ở lại, phát triển dịch vụ tài chính, tư vấn việc làm và đào tạo trước di cư. Tại nơi đến, cần bảo đảm đăng ký tạm trú thuận lợi, tiếp cận trường công, y tế, nhà ở, bảo hiểm và trợ giúp pháp lý. Giữa nơi đi và nơi đến cần có thỏa thuận liên vùng về lao động, dữ liệu, an sinh và hỗ trợ khẩn cấp. Người di cư cần được xem là bộ phận của phát triển, không phải nhóm bên lề của chính sách địa phương.

Kiến nghị thứ tư là xây dựng chương trình thu hút quay về và di cư tuần hoàn. Cần có quỹ hỗ trợ khởi nghiệp hồi hương, công thông tin việc làm vùng, mạng lưới cựu sinh viên Đồng bằng sông Cửu Long, ưu đãi cho doanh nghiệp sử dụng lao động quay về, chương trình thực tập và làm việc từ xa cho sinh viên, cùng chính sách tín dụng nhỏ cho hộ gia đình đầu tư dịch vụ nông thôn. Khi người lao động có thể kiếm thu nhập ngoài nông nghiệp mà không phải cắt đứt gia đình và cộng đồng, di cư sẽ ít gây tổn thương hơn và có thể trở thành kênh luân chuyển kỹ năng, vốn và tri thức.

Kiến nghị thứ năm là đặt thích ứng khí hậu vào trung tâm quản lý di cư. Vùng cần bản đồ rủi ro di cư khí hậu theo cấp xã, huyện và tỉnh mới, gắn với xâm nhập mặn, sạt lở, thiếu nước, ngập lũ, suy giảm thủy sản và mất đất sản xuất. Các khu vực rủi ro cao cần được ưu tiên trữ nước, chuyển đổi sinh kế, đào tạo nghề, bảo hiểm nông nghiệp, tái định cư chủ động và hỗ trợ tiếp cận việc làm. Tầm nhìn 2050 phải coi di cư là một phần của thích ứng, nhưng không để người dân bị buộc phải rời quê trong thế bị động, thiếu kỹ năng và thiếu bảo vệ. Mục tiêu cuối cùng là xây dựng Đồng bằng sông Cửu Long thành vùng đáng sống, có năng lực thích ứng, có việc làm chất lượng, có hệ thống quản trị hiện đại và có khả năng biến dịch chuyển dân cư thành nguồn lực phát triển bền vững.

**Lời cảm ơn:** Đề tài được tài trợ Bộ Giáo dục và Đào tạo thuộc nhiệm vụ Khoa học Công nghệ cấp Bộ “Các yếu tố tác động đến di cư lao động nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong điều kiện biến đổi khí hậu” (Mã số đề tài: B2024-TCT-18).

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bhugra, D. 2004. *Migration and mental health*. *Acta Psychiatrica Scandinavica*, 109, 243 đến 258. Nhà xuất bản Wiley.
- Bộ Chính trị. 2022. *Nghị quyết số 13 NQ TW ngày 2 tháng 4 năm 2022 về phương hướng phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Văn phòng Trung ương Đảng.
- Chính phủ. 2017. *Nghị quyết số 120 NQ CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- Chính phủ. 2022. *Nghị quyết số 78 NQ CP ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13 NQ TW*. Văn phòng Chính phủ.
- Chính phủ. 2025. *Nghị quyết số 306 NQ CP ngày 5 tháng 10 năm 2025 về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 đến 2030, tầm nhìn đến năm 2050*. Văn phòng Chính phủ.
- IOM. 2011. *Glossary on Migration, second edition*. International Organization for Migration, Geneva.
- Ngân hàng Thế giới. 2025. *Ở lại hay Di cư, Cuộc sống Vùng Đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam*. Ngân hàng Thế giới, Washington DC.
- Thủ tướng Chính phủ. 2022. *Quyết định số 287 QĐ TTg ngày 28 tháng 2 năm 2022 phê duyệt Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 đến 2030, tầm nhìn đến năm 2050*. Văn phòng Chính phủ.
- Tổng cục Thống kê. 2024. *Niên giám thống kê Việt Nam 2024*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Tổng cục Thống kê và UNFPA. 2025. *Di cư nội địa Việt Nam 2009 đến 2024*. Nhà xuất bản Hà Nội.
- VCCI và Trường Chính sách công và Quản lý Fulbright. 2022. *Báo cáo kinh tế thường niên Đồng bằng sông Cửu Long 2022, Chuyển đổi mô hình phát triển và quy hoạch tích hợp*. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.
- VCCI và Trường Chính sách công và Quản lý Fulbright. 2024. *Báo cáo kinh tế thường niên Đồng bằng sông Cửu Long 2024, Huy động đầu tư cho phát triển bền vững*. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.